BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
Số: 77/TB-ĐHDT-HĐTS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 02 năm 2019

THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2019
Mã trường: DDT

Trường Đại học Duy Tân thông báo tuyển sinh trình độ Đại học năm 2019:

I. VÙNG TUYỂN SINH: Tuyển sinh trong cả nước

II. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH: Trường thực hiện 2 phương thức xét tuyển

1) Xét tuyển thẳng theo Đề án tuyển sinh của trường và theo Qui chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

2) Xét kết quả kỳ thi THPT quốc gia vào **TẤT CẢ** các ngành đào tạo của trường.

3) Xét kết quả học tập (Học bạ) lớp 12 vào **TẤT CẢ** các ngành, ngoại trừ **ngành Dược sỹ, Y khoa (Bác sĩ Đa khoa) và Răng-Hàm-Mặt (Bác sĩ Răng-Hàm-Mặt)**

Thí sinh tham gia xét tuyển **Ngành Kiến trúc** sẽ tham dự **thi** môn Vẽ Mỹ thuật (Hình thức: Vẽ tĩnh vật) do Trường Đại học Duy Tân tổ chức vào ngày **29 và 30/6/2019** hoặc thí sinh nộp kết quả thi môn Vẽ Mỹ thuật từ các trường khác có tổ chức thi.

III. TÊN NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH VÀ MÔN XÉT TUYỂN

1. Chương trình đào tạo trong nước

TT	Ngành học	Mã ngành/ Chuyên ngành	Thí sinh chọn 1 trong 4 tổ hợp môn để xét tuyển	
			Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia	Xét tuyển kết quả Học bạ năm lớp 12
1	**Ngành Kỹ thuật phần mềm** có các chuyên ngành:	**7480103**	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Anh (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2. Văn, Toán, Lý (C01) 3. Văn, Toán, Hoá (C02) 4. Văn, Toán, Anh (D01)
	+ Công nghệ Phần mềm	102		
	+ Thiết kế Đồ họa/Game/Multimedia	111		
2	**Ngành An toàn Thông tin** có chuyên ngành:	**7480202**	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Anh (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2. Văn, Toán, Lý (C01) 3. Văn, Toán, Hoá (C02) 4. Văn, Toán, Anh (D01)
	+ Kỹ thuật Mạng	101		
3	**Ngành Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử** có các chuyên ngành:	**7510301**	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Anh (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2. Văn, Toán, Lý (C01) 3. Văn, Toán, Hoá (C02) 4. Văn, Toán, Anh (D01)
	+ Điện tự động	110		
	+ Hệ thống nhúng	114		
	+ Điện tử-Viễn thông	109		
4	**Ngành Quản trị kinh doanh** có các chuyên ngành:	**7340101**	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Anh (D01)	1.Toán, Lý, Hoá(A00) 2. Văn, Toán, Lý (C01) 3. Văn, Toán, Hoá (C02) 4. Văn, Toán, Anh (D01)
	+ Quản trị Kinh doanh tổng hợp	400		
	+ Quản trị Kinh doanh Marketing	401		
	+ Ngoại thương (QTKD Quốc tế)	411		
	+ Kinh doanh Thương mại	412		
5	**Ngành Tài chính - Ngân hàng** có chuyên ngành:	**7340201**	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Anh (D01)	1.Toán, Lý, Hoá(A00) 2. Văn, Toán, Lý (C01) 3. Văn, Toán, Hoá (C02) 4. Văn, Toán, Anh (D01)
	+ Tài chính doanh nghiệp	403		
	+ Ngân hàng	404		
6	**Ngành Kế toán** có các chuyên ngành:	**7340301**	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Anh (D01)	1.Toán, Lý, Hoá(A00) 2. Văn, Toán, Lý (C01) 3. Văn, Toán, Hoá (C02) 4. Văn, Toán, Anh (D01)
	+ Kế toán Kiểm toán	405		
	+ Kế toán doanh nghiệp	406		
	+ Kế toán Nhà nước	409		
	+ Thuế và Tư vấn Thuế	419		

7	**Ngành Kỹ thuật xây dựng** có chuyên ngành:	**7580201**	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Hoá (C02)	1.Toán, Lý, Hoá A00) 2. Văn, Toán, Lý (C01) 3. Văn, Toán, Hoá (C02) 4. Văn, Toán, Anh (D01)
	+ Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp	105		
8	**Ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng** có chuyên ngành:	**7510102**	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Hoá (C02)	1.Toán, Lý, Hoá A00) 2. Văn, Toán, Lý (C01) 3. Văn, Toán, Hoá (C02) 4. Văn, Toán, Anh (D01)
	+ Xây dựng cầu đường	106		
	+ Công nghệ Quản lý Xây dựng	206		
9	**Ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường** có chuyên ngành:	**7510406**	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Hoá, Sinh (B00) 4.Văn, Toán, Hoá (C02)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2. Văn, Toán, Lý (C01) 3. Văn, Toán, Hoá (C02) 4. Toán, Hóa, Sinh (B00)
	+ Công nghệ & kỹ thuật môi trường	301		
10	**Ngành Công nghệ thực phẩm** có chuyên ngành:	**7540101**	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Hoá, Sinh (B00) 4. Văn, Toán, Lý (C01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2. Văn, Toán, Lý (C01) 3. Văn, Toán, Hoá (C02) 4. Toán, Hóa, Sinh (B00)
	+ Công nghệ thực phẩm	306		
11	**Ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường** có chuyên ngành:	**7850101**	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Hoá, Sinh (B00) 4.Văn, Toán, KHXH (C15)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2. Văn, Toán, Lý (C01) 3. Văn, Toán, Hoá (C02) 4. Toán, Hóa, Sinh (B00)
	+ Quản lý Tài nguyên và Môi trường	307		
12	**Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành** có các chuyên ngành:	**7810103**	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2. Văn, Sử, Địa (C00) 3.Văn, Toán, KHXH (C15) 4. Văn, Toán, Anh (D01)	1. Toán, Lý, Hóa (A00) 2. Toán, Lý, Anh (A01) 3. Văn, Sử, Địa (C00) 4. Toán, Văn, Anh (D01)
	+ Quản trị Du lịch & Khách sạn	407		
	+ Quản trị Du lịch & Lữ hành	408		
13	**Ngành Điều dưỡng** có chuyên ngành:	**7720301**	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2. Toán, KHTN, Văn (A16) 3. Toán, Hoá, Sinh (B00) 4. Toán, Sinh, Văn (B03)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, Hoá, Sinh (B00) 3.Toán, Sinh, Văn (B03) 4. Văn, Toán, Hoá (C02)
	+ Điều dưỡng đa khoa	302		
14	**Ngành Dược** có chuyên ngành:	**7720201**	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2. Toán, KHTN, Văn (A16) 3. Toán, Hoá, Sinh (B00) 4. Toán, Sinh, Văn (B03)	**Không xét Học bạ**
	+ Dược sỹ (Đại học)	303		
15	**Ngành Y Khoa** có chuyên ngành:	**7720101**	1. Toán, KHTN, Văn (A16) 2. Toán, Hoá, Sinh (B00) 3.Toán, KHTN, Anh (D90) 4. Toán, Sinh, Anh (B08)	**Không xét Học bạ**
	+ Bác sĩ Đa khoa	305		
16	**Ngành RĂNG-HÀM-MẶT** có chuyên ngành	**7720501**	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Toán, Hóa, Sinh (B00) 4.Toán, KHTN, Anh (D90)	**Không xét Học bạ**
	+ Bác sĩ RĂNG-HÀM-MẶT	304		
17	**Ngành Văn học** có chuyên ngành:	**7229030**	1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, KHXH (C15) 3.Văn, Toán, Anh (D01) 4.Văn, Toán, Địa (C04)	1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Toán, Văn, Anh (D01) 3.Văn, Toán, Sử (C03) 4.Văn, Toán, Địa (C04)
	+ Văn Báo chí	601		
18	**Ngành Việt Nam học** có chuyên ngành:	**7310630**	1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, KHXH (C15) 3.Văn, Toán, Anh (D01) 4.Toán, Lý, Anh (A01)	1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Toán, Văn, Anh (D01) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4. Toán, Lý, Anh (A01)
	+ Văn hoá Du lịch	605		
19	**Truyền thông đa phương tiện** có chuyên ngành:	**7320104**	1/Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, KHXH (C15) 3.Văn, Toán, Anh (D01) 4.Toán, Lý, Hóa (A00)	1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Toán, Văn, Anh (D01) 3.Toán, Lý, Anh (A01) 4.Toán, Lý, Hóa (A00)
	+ Truyền thông đa phương tiện	607		
20	**Ngành Quan hệ quốc tế** có các chuyên ngành:	**7310206**	1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Văn, Toán, KHXH (C15) 3.Văn, Toán, Anh (D01) 4.Toán, Lý, Anh (A01)	1.Văn, Sử, Địa (C00) 2.Toán, Văn, Anh (D01) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Toán, Lý, Anh (A01)
	+ Quan hệ quốc tế (Chương trình Tiếng Anh)	608		
	+ Quan hệ Quốc tế (Chương trình Tiếng Nhật)	604		
21	**Ngành Ngôn ngữ Anh** có các chuyên ngành:	**7220201**	1.Văn, Toán, Anh (D01) 2.Văn, Sử, Anh (D14) 3.Văn, Địa, Anh (D15) 4.Văn, KHTN, Anh (D72)	1.Văn, Toán, Anh (D01) 2.Văn, Sử, Anh (D14) 3.Văn, Địa, Anh (D15) 4.Toán, Lý, Anh (A01)
	+ Tiếng Anh Biên-Phiên dịch	701		
	+ Tiếng Anh Du lịch	702		

22	**Ngành Kiến trúc** có các chuyên ngành:	**7580101**	1.Toán, Lý, Vẽ (V00) 2.Toán, Văn, Vẽ (V01) 3.Toán, KHXH, Vẽ (M02) 4.Toán, KHTN, Vẽ (M04)	1.Toán, Lý, Vẽ (V00) 2.Toán, Văn, Vẽ (V01) 3.Toán, Anh, Vẽ (V02) 4. Toán, Địa, Vẽ (V06)
	+ Kiến trúc công trình	107		
	+ Kiến trúc nội thất	108		
23	**Ngành Luật kinh tế** có chuyên ngành:	**7380107**	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2. Văn, Sử, Địa (C00) 3.Văn, Toán, KHXH (C15) 4. Văn, Toán, Anh (D01)	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Toán, Lý, Anh (A01) 3. Văn, Sử, Địa (C00) 4. Văn, Toán, Anh (D01)
	+ Luật Kinh tế	609		
24	**Ngành Luật** có chuyên ngành	**7380101**	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2. Văn, Sử, Địa (C00) 3.Văn, Toán, KHXH (C15) 4. Văn, Toán, Anh (D01)	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Toán, Lý, Anh (A01) 3. Văn, Sử, Địa (C00) 4. Văn, Toán, Anh (D01)
	+ Luật học	606		
25	**Ngành Ngôn Ngữ Trung Quốc** có chuyên ngành:	7220204	1.Văn, Toán, Anh (D01) 2.Văn, Sử, Anh (D14) 3.Văn, Địa,Anh (D15) 4.Văn, KHTN, Anh (D72)	1.Văn, Toán, Anh (D01) 2.Toán, Sử, Anh (D09) 3.Văn, Sử, Anh (D14) 4.Văn, Địa, Anh (D15)
	+ Tiếng Trung Quốc	703		
26	**Ngành Công nghệ Sinh học** có chuyên ngành:	7420201	1.Toán, Hóa, Sinh ((B00) 2.Toán, Sinh, Anh (B08) 3.Toán, KHTN, Văn (A16) 4.Toán, Sử, Anh (D90)	1.Toán, Lý, Sinh (A02) 2.Toán, Hóa, Sinh (B00) 3.Toán, Sinh, Văn (B03) 4.Toán, Sinh, Anh (B08)
	+ Công nghệ Sinh học	310		
27	**Ngành Hệ thống Thông tin quản lý** có chuyên ngành:	**7340405**	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Anh (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2. Văn, Toán, Lý (C01) 3. Văn, Toán, Hoá (C02) 4. Văn, Toán, Anh (D01)
	+ Hệ thống Thông tin Quản lý chuẩn CMU	410(CMU)		

Ghi chú: *Thí sinh đăng ký xét tuyển theo **MÃ NGÀNH** đào tạo và được quyền chọn các chuyên ngành thuộc mã ngành xét tuyển để học.*

2. Chương trình Tiên tiến & Quốc tế

TT	Ngành học	Mã ngành/ Chuyên ngành	Thí sinh chọn 1 trong 4 tổ hợp môn để xét tuyển	
			Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia	Xét tuyển kết quả học bạ năm lớp 12
1	**Ngành Kỹ thuật phần mềm** có chuyên ngành:	**7480103**	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Anh (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2. Văn, Toán, Lý (C01) 3. Văn, Toán, Hoá (C02) 4. Văn, Toán, Anh (D01)
	+ Công nghệ Phần mềm chuẩn CMU	102(CMU)		
2	**Ngành An toàn thông tin** có chuyên ngành:	**7480202**	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Anh (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2. Văn, Toán, Lý (C01) 3. Văn, Toán, Hoá (C02) 4. Văn, Toán, Anh (D01)
	+ An ninh Mạng chuẩn CMU	116(CMU)		
3	**Ngành Hệ thống Thông tin quản lý** có chuyên ngành:	**7340405**	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Anh (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2. Văn, Toán, Lý (C01) 3. Văn, Toán, Hoá (C02) 4. Văn, Toán, Anh (D01)
	+ Hệ thống Thông tin Quản lý chuẩn CMU	410(CMU)		
4	**Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử** có các chuyên ngành:	**7510301**	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Anh (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2. Văn, Toán, Lý (C01) 3. Văn, Toán, Hoá (C02) 4. Văn, Toán, Anh (D01)
	+ Cơ điện tử chuẩn PNU	112(PNU)		
	+ Điện-Điện tử chuẩn PNU	113(PNU)		
5	**Ngành Quản trị kinh doanh** có chuyên ngành:	**7340101**	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Anh (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2. Văn, Toán, Lý (C01) 3. Văn, Toán, Hoá (C02) 4. Văn, Toán, Anh (D01)
	Quản trị Kinh doanh chuẩn PSU	400(PSU)		
6	**Ngành Tài chính-Ngân hành** có chuyên ngành:	**7340201**	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Anh (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2. Văn, Toán, Lý (C01) 3. Văn, Toán, Hoá (C02) 4. Văn, Toán, Anh (D01)
	+ Tài chính-Ngân hàng chuẩn PSU	404(PSU)		
7	**Ngành Kế toán** có chuyên ngành	**7340301**	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Anh (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2. Văn, Toán, Lý (C01) 3. Văn, Toán, Hoá (C02) 4. Văn, Toán, Anh (D01)
	+ Kế toán Kiểm toán chuẩn PSU	405(PSU)		

8	**Ngành Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành** có các chuyên ngành:	**7810103**	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2. Văn, Sử, Địa (C00) 3.Văn, Toán, KHXH (C15) 4. Văn, Toán, Anh (D01)	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Toán, Lý, Anh (A01) 3. Văn, Sử, Địa (C00) 4. Văn, Toán, Anh (D01)
	+ Quản trị Du lịch & Khách sạn chuẩn PSU	407(PSU)		
	+ Quản trị Du lịch & Lữ hành chuẩn PSU	408(PSU)		
	+ Quản trị Du lịch & Nhà hàng chuẩn PSU	409(PSU)		
9	**Ngành Kỹ thuật xây dựng** có chuyên ngành:	**7580201**	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Hoá (C02)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2. Văn, Toán, Lý (C01) 3. Văn, Toán, Hoá (C02) 4. Văn, Toán, Anh (D01)
	+ Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp chuẩn CSU	105(CSU)		
10	**Ngành Kiến trúc** có các chuyên ngành:	**7580101**	1.Toán, Lý, Vẽ (V00) 2.Toán, Văn, Vẽ (V01) 3.Toán, KHXH, Vẽ (M02) 3.Toán, KHTN, Vẽ (M04)	1.Toán, Lý, Vẽ (V00) 2.Toán, Văn, Vẽ (V01) 3.Toán, Anh, Vẽ (V02) 4. Toán, Địa, Vẽ (V06)
	+ Kiến trúc Công trình chuẩn CSU	107(CSU)		

Ghi chú: *Thí sinh đăng ký xét tuyển theo **MÃ NGÀNH** đào tạo và được quyền chọn các chuyên ngành thuộc mã ngành xét tuyển để học.*

3. Chương trình Tài năng

TT	Ngành học	Mã ngành/ Chuyên ngành	Thí sinh chọn 1 trong 4 tổ hợp môn để xét tuyển	
			Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia	Xét tuyển kết quả học bạ năm lớp 12
1	**Ngành Kỹ thuật phần mềm** có chuyên ngành:	**7480103**	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Anh (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2. Văn, Toán, Lý (C01) 3. Văn, Toán, Hoá (C02) 4. Văn, Toán, Anh (D01)
	+ Big Data & Machine Learning (HP)	115(HP)		
2	**Ngành Quản trị Kinh doanh** có chuyên ngành:	**7340101**	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Anh (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2. Văn, Toán, Lý (C01) 3. Văn, Toán, Hoá (C02) 4. Văn, Toán, Anh (D01)
	+ Quản trị Doanh nghiệp (HP)	400(HP)		
	+ Quản trị Marketing & Chiến lược (HP)	401(HP)		
3	**Ngành Tài chính-Ngân hành** có chuyên ngành:	**7340201**	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Anh (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2. Văn, Toán, Lý (C01) 3. Văn, Toán, Hoá (C02) 4. Văn, Toán, Anh (D01)
	+ Quản trị Tài chính (HP)	403(HP)		
4	**Ngành Kế toán** có chuyên ngành	**7340301**	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Anh (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2. Văn, Toán, Lý (C01) 3. Văn, Toán, Hoá (C02) 4. Văn, Toán, Anh (D01)
	+ Kế toán Quản trị (HP)	406(HP)		
5	**Ngành Việt Nam học** có chuyên ngành	**73140630**	1.Toán, Lý, Anh (A01) 2.Văn, Toán, Anh (D01) 3.Văn, Sử, Địa (C00) 4.Văn, Toán, Lý (C01)	1.Toán, Lý, Anh (A01) 2.Văn, Toán, Anh (D01) 3.Văn, Sử, Địa (C00) 4.Văn, Toán, KHXH (C15)
	+ Văn hóa Du lịch Việt Nam (HP)	605(HP)		
6	**Ngành Luật kinh tế** có chuyên ngành:	**7380107**	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Toán, Lý, Anh (A01) 3.Văn, Sử, Địa (C00) 4.Văn, Toán, Anh (D01)	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Văn, Sử, Địa (C00) 3.Văn, Toán, KHXH (C15) 4.Văn, Toán, Anh (D01)
	+ Luật Kinh doanh (HP)	609(HP)		

4. Chương trình Du học tại chỗ lấy bằng Mỹ

TT	Ngành học	Mã ngành/ Chuyên ngành	Thí sinh chọn 1 trong 4 tổ hợp môn để xét tuyển	
			Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia	Xét tuyển kết quả học bạ năm lớp 12
1	**Ngành Kỹ thuật phần mềm** có chuyên ngành:	**7480103**	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Anh (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2. Văn, Toán, Lý (C01) 3. Văn, Toán, Hoá (C02) 4. Văn, Toán, Anh (D01)
	+ Công nghệ phần mềm TROY	102(TROY)		
2	**Ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành** có chuyên ngành:	**7810103**	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2. Văn, Sử, Địa (C00) 3.Văn, Toán, KHXH (C15) 4. Văn, Toán, Anh (D01)	1.Toán, Lý, Hóa (A00) 2.Toán, Lý, Anh (A01) 3. Văn, Sử, Địa (C00) 4. Văn, Toán, Anh (D01)
	+ Quản trị Du lịch & Khách sạn TROY	407(TROY)		
3	**Ngành Quản trị Kinh doanh** có chuyên ngành:	**7340405**	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2.Toán, KHTN, Văn (A16) 3.Văn, Toán, Lý (C01) 4.Văn, Toán, Anh (D01)	1.Toán, Lý, Hoá (A00) 2. Văn, Toán, Lý (C01) 3. Văn, Toán, Hoá (C02) 4. Văn, Toán, Anh (D01)
	+ Quản trị kinh doanh KEUKA	400(KE)		

5. Chương trình Liên kết đào tạo với các đại học nước ngoài: Mỹ, Anh, Canada

- Liên kết với trường **Đại học Appalachian State** (thuộc hệ thống Đại học Bang North Carolina - UNC danh tiếng, Mỹ), **Đại học Medaille College** (Buffalo, Mỹ) và **Đại học Cape Breton** (Canada) triển khai chương trình **Du học 2+2.**

- Liên kết với trường **Đại học Coventry** (Anh Quốc) tổ chức tuyển sinh chương trình **liên kết du học 3+1** với các chuyên ngành đào tạo: Quản trị Kinh doanh, Tài chính, Quản trị Du lịch & Khách sạn, Công nghệ Thông tin.

- Liên kết với trường Cao Đẳng Cộng Đồng Lorain (bang Ohio, Hoa Kỳ) tổ chức tuyển sinh chương trình **liên kết du học 1+1+2** với các chuyên ngành đào tạo: Kế toán, Tài chính, Quản trị Kinh doanh, Marketing, Du lịch, và Công nghệ Thông tin.

IV. ĐIỂM XÉT TUYỂN

1. Xét theo kết quả kỳ thi THPT quốc gia

- Đối với các ngành chung:

Điểm xét tuyển = (điểm thi môn 1 + điểm thi môn 2 + điểm thi môn 3) + điểm ưu tiên (theo khu vực và đối tượng).

- Đối với ngành Kiến trúc:

Điểm xét tuyển = (điểm thi môn 1 + điểm thi môn 2 + điểm thi Vẽ Mỹ thuật) + điểm ưu tiên (theo khu vực và đối tượng).

Trong đó: *Điểm môn Vẽ Mỹ thuật nhân hệ số 2;*

2. Xét theo kết quả học tập (học bạ) lớp 12

- Đối với các ngành chung:

Điểm xét tuyển = điểm Môn 1 + điểm Môn 2 + điểm Môn 3 đạt từ 18 điểm trở lên;

- Đối với ngành Kiến trúc:

Điểm xét tuyển = (điểm Môn 1 + điểm Môn 2 + điểm thi Vẽ Mỹ thuật)

Trong đó: + *Điểm Thi môn Vẽ Mỹ thuật nhân hệ số 2;*

+ *Tổng điểm Môn 1 và Môn 2 xét tuyển đạt từ 12 điểm trở lên;*

+ *Môn **Vẽ Mỹ thuật**: Thí sinh có thể thi tại Trường Đại học Duy Tân hoặc dùng kết quả thi môn Vẽ Mỹ thuật tại các trường đại học có tổ chức thi trong cả nước. Trường Đại học Duy Tân tổ chức thi môn Vẽ Mỹ thuật vào **ngày 29 & 30/6/2019.***

V. THỜI GIAN NHẬN HỒ SƠ XÉT TUYỂN

1. Thời gian dự kiến nhận Hồ sơ Đăng ký Xét tuyển theo Học bạ THPT:

Sau khi có Kết quả học tập lớp 12.

2. Thời gian nhận Hồ sơ Đăng ký Xét tuyển theo kết quả kỳ thi THPT quốc gia:

Theo qui định của Bộ GD&ĐT

Thí sinh đăng ký nguyện vọng vào Đại học Duy Tân từ tháng 3&4/2019 và sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT.

3. Thời gian nhận Hồ sơ Đăng ký thi tuyển sinh môn Vẽ Mỹ thuật tại Đại học Duy Tân:

Từ 01/4/2019 đến 17h00 ngày 15/6/2019.

4. Mẫu hồ sơ thi, xét tuyển tham khảo tại website:

https://tuyensinh.duytan.edu.vn/

5. Thời gian thi sơ tuyển chương trình Tiên tiến và Quốc tế:

Đợt 1: ngày 07/04/2019; **Đợt 2:** ngày 04/08/2019.

Đăng ký thi sơ tuyển tại https://duytan.edu.vn/tuyen-sinh/dangkytructuyen/

VI. THỜI GIAN NHẬP HỌC

Từ 10/7/2019 đến 30/9/2019

VII. HỌC BỔNG & CHỖ TRỌ

Hơn 2.500 SUẤT học bổng với tổng trị giá hơn 38 TỶ đồng cho mùa Tuyển sinh 2019, trong đó:

- **50 Suất** học bổng **TOÀN PHẦN/ BÁN PHẦN** có tổng trị giá hơn **17 TỶ đồng** cho chương trình **Du học tại chỗ lấy bằng của các Đại học Mỹ** đối với:
  - Những thí sinh đoạt **giải Nhất, Nhì, Ba** và **Khuyến khích** trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt **giải Nhất, Nhì, Ba** và **Khuyến khích** trong Hội thi khoa học kĩ thuật do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức
  - Những thí sinh có tổng điểm 3 môn xét tuyển từ kỳ thi THPT Quốc gia đạt từ **22 điểm** trở lên.
- **215 Suất HỌC BỔNG TÀI NĂNG** (TOÀN PHẦN/ BÁN PHẦN) có tổng trị giá hơn **11 TỶ đồng** cho những thí sinh trúng tuyển vào ngành tài năng: Quản trị Doanh nghiệp (HP), Quản trị Marketing & Chiến lược (HP), Quản trị Tài chính (HP), Văn hóa Du lịch Việt Nam (HP), Big data & Machine Learning (HP), Kế toán Quản trị (HP), Luật kinh doanh (HP); có tổng điểm 3 môn xét tuyển từ kỳ thi THPT Quốc gia đạt từ **20 điểm** trở lên.
- **39 Suất** học bổng **TOÀN PHẦN (100% học phí toàn khóa học)** với tổng trị giá hơn **3 TỶ đồng** cho những thí sinh đăng ký vào học bất kỳ chuyên ngành nào của chương trình Tiên tiến & Quốc tế **CMU, PSU, CSU, PNU** có tổng điểm xét tuyển 3 môn từ Kỳ thi THPT Quốc gia đạt từ **23 điểm** trở lên
- **Hơn 2.196** các suất học bổng khác với tổng trị giá hơn **7 TỶ đồng.**

Chi tiết các loại Học bổng, xem tại:
https://duytan.edu.vn/tuyen-sinh/Page/SchollashipViewDetail.aspx

- **3.000** Chỗ trọ Ký túc Xá cho mùa tuyển sinh 2019.

Mọi thông tin về tuyển sinh thí sinh có thể tìm hiểu chi tiết tại:
https://tuyensinh.duytan.edu.vn/
hoặc liên hệ trực tiếp:
Ban Tư vấn Tuyển sinh Đại học Duy Tân, số254 Nguyễn Văn Linh, Tp. Đà Nẵng.
Điện thoại: **(0236) 3653.561-3650.403-3827.111-2243.775 - Fax: (0236) 3650.443**
Số điện thoại đường dây nóng: **1900.2252 - 0905.294.390 - 0905.294.391**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

TS. Võ Thanh Hải